

Bản án: 97/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 6 - 2019

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HOÀ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh.

2. Bà Trương Thị Kim Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quý, kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 312/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 134/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp Bình Lợi, xã HKĐ, huyện ĐH, tỉnh LA.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tấn L, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Ấp Bình Lợi, xã HKĐ, huyện ĐH, tỉnh LA.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 30 tháng 3 năm 2019 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Q trình bày: Chị Nguyễn Thị Kim Q và anh Nguyễn Tấn L chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HKĐ, huyện ĐH, tỉnh LA. Chị Q và anh L sống chung với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hợp nhau. Nay chị Q xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim Tuyền, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2007 và Nguyễn Tường Vy, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2010. Khi ly hôn, con theo ai thì người đó nuôi và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời trình bày của anh Nguyễn Tấn L: Anh L xác nhận lời trình bày của chị Q về tình trạng hôn nhân, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa anh L và chị Q theo chị Q trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường hay cãi vã chứ không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Ngoài ra, tại Tòa thì anh L xác định có đánh đập chị Q do chị Q có quan hệ bất chính với người đàn ông khác bên ngoài. Nay chị Q xin ly hôn, anh L không đồng ý vì còn thương vợ thương con và do con còn nhỏ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim Tuyền, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2007 và Nguyễn Tường Vy, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2010. Nếu Tòa án cho ly hôn, anh L xin 02 con chung và không yêu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đưa đúng và đầy đủ người vào tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ và điều tra làm rõ vụ án được tiến hành khách quan, đúng pháp luật; việc thụ lý là đúng thẩm quyền; không có đương sự khiếu nại trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, hôn nhân giữa chị Q và anh L là hợp pháp. Chị Q và anh L chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng hai bên đương sự không có biện pháp hàn gắn. Ngoài ra, tháng 4 năm 2017, chị Q có rút đơn xin ly hôn anh L lại để hai bên về hàn gắn nhưng hai bên đương sự không hàn gắn được nên chị Q xin ly hôn anh L là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị Q và anh L thống nhất khai, chị Q và anh L chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim Tuyền, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2007 và Nguyễn Tường Vy, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2010. Nếu Tòa án có căn cứ ly hôn, chị Q cho rằng con theo ai thì người đó nuôi và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con còn anh L xin nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Tuyền, cháu Vy đã trên 07 tuổi và cháu Vy có nguyện vọng sống với chị Q còn cháu Tuyền có nguyện vọng sống với anh L là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận theo nguyện vọng của các con.

- Về tài sản chung: Chị Q và anh L thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

- Về nợ chung: Chị Q và anh L thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả tranh tụng tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn anh Nguyễn Tấn L có hộ khẩu thường trú tại ấp Bình Lợi, xã HKĐ, huyện ĐH, tỉnh LA nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Q và anh Nguyễn Tấn L chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HKĐ, huyện ĐH, tỉnh LA nên quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh L là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Q và anh L sống chung với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hợp nhau. Ngoài ra, tại Tòa thì anh L xác định có đánh đập chị Q do chị Q có quan hệ bất chính với người đàn ông khác bên ngoài được chị Q thừa nhận nhưng chị cho rằng sự việc đó đã trước đây. Nay chị Q xin ly hôn thì anh L không đồng ý vì còn thương vợ thương con. Xét thấy, tại Tòa thì chị Q cho rằng anh L nhiều lần đánh đập và hăm dọa chị Q được anh L thừa nhận nhưng anh L cho rằng do ghen tuông nên mới đánh chị Q. Ngoài ra vào tháng 4 năm 2017, chị Q đã rút đơn khởi kiện ly hôn anh L tại TAND huyện ĐH, tỉnh LA lại để chị Q và anh L đoàn tụ nhưng chị Q và anh L không thể hàn gắn được nên nay chị Q lại tiếp tục làm đơn ly hôn anh L. Tại phiên tòa, chị Q tha thiết xin được ly hôn với anh L. Ngược lại, anh L không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn nào được chị Q chấp nhận. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa chị Q và anh L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, chị Q yêu cầu được xin ly hôn với anh L là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, xét theo lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Q và anh L thống nhất khai, chị Q và anh L chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim Tuyền, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2007 và Nguyễn Tường Vy, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2010. Nếu Tòa án có căn cứ ly hôn, chị Q cho rằng con theo ai thì người đó nuôi và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con còn anh L xin nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Tuyền, cháu Vy đã trên 07 tuổi và cháu Vy có nguyện vọng sống với chị Q còn cháu Tuyền có nguyện vọng sống với anh L là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận theo nguyện vọng của các con. Do đó, xét theo lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, chị Q và anh L không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Q và anh L thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, xét theo lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về nợ chung: Chị Q và anh L thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, xét theo lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim Q xin ly hôn với anh Nguyễn Tấn L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Q được ly hôn với anh Nguyễn Tấn L.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim Q được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Tường Vy, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2010; Anh Nguyễn Tấn L được quyền nuôi cho chung tên Nguyễn Thị Kim Tuyền, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2007. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim Q phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sung sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị Q đã nộp theo biên lai số 4366 ngày 01 tháng 4

năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- UBND xã Hòa Khánh Đông
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Hiệp